UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 546/TB-UBND	*TP. Thanh Hóa, ngày 03 tháng 12 năm 2019*

THÔNG BÁO
Kết quả dự kiến trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Thanh Hóa, đợt 2 năm 2019

Thực hiện Công văn số 11355/UBND-THKH, ngày 18/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Thanh Hóa; Công văn số 8078/UBND-VX ngày 27/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh phương thức, tiêu chuẩn đăng ký tuyển dụng giáo viên cho các trường mầm non, tiểu học công lập trên địa bàn thành phố Thanh Hóa;

Thực hiện Phương án số 3432/PA-UBND, ngày 17/7/2019 về việc tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo, năm 2019;

Căn cứ Báo cáo số 1146/BC-HĐTDVC, ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố, đợt 2 năm 2019 về việc báo cáo kết quả vòng phỏng vấn và dự kiến kết quả trúng tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa thông báo kết quả dự kiến trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Thanh Hóa, đợt 2 năm 2019 như sau:

1. Tổng số thí sinh đủ điều kiện tham gia sát hạch: 307 người, trong đó:

- Vị trí giáo viên mầm non: 293 người; Có mặt: 288, vắng mặt: 05;

- Vị trí giáo viên văn hóa tiểu học: 14 người; Có mặt: 14; Vắng mặt: 0

2. Kết quả vòng phỏng vấn:

(Có danh sách kết quả kèm theo)

3. Dự kiến số thí sinh trúng tuyển:

3.1. Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo, đợt 2 năm 2019: 67 người, bao gồm:

- Giáo viên văn hóa tiểu học: 04 người.

- Giáo viên mầm non: 63 người;

3.2. Dự kiến trúng tuyển:

a. Vị trí giáo viên văn hóa tiểu học: 04 người.

b. Vị trí giáo viên mầm non:

Số thí sinh có điểm vòng phỏng vấn: Từ 77 đến 100 điểm: 62 người.

Số thí sinh có điểm vòng phỏng vấn: 76 điểm: 08 người;

Số thí sinh có điểm vòng phỏng vấn: Từ 6,0 đến 75,5 điểm: 218 người.

Theo quy định tại Điều 2, khoản 4, điểm 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quy định: "Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều này (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển".

Do số người bằng điểm nhau (76 điểm) là 08 người. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố dự kiến thí sinh trúng tuyển là 62 người.

(Có danh sách kèm theo)

Đối với 08 thí sinh có điểm phỏng vấn bằng nhau là 76 điểm: Đề nghị các thí sinh kiểm tra cụ thể các điều kiện mình được ưu tiên (nếu có) hoặc hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đề nghị làm đơn và nộp hồ sơ về Ủy ban nhân dân thành phố (qua phòng Nội vụ) để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, lựa chọn quyết định người trúng tuyển. Thời gian nộp đơn và hồ sơ về Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất vào ngày ***06/12/2019.***

Trên đây là thông báo của Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả dự kiến trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Thanh Hóa, đợt 2 năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, theo dõi. Nếu có vấn đề cần giải đáp đề nghị phản ánh về Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa, qua số điện thoại 0913.113.568 hoặc 0912.395.858 để được giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thường trực Thành ủy TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Phòng GD&ĐT, Nội vụ (để niêm yết);
- Các thí sinh dự tuyển;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH

Lê Anh Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ KIẾN KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THANH HÓA, ĐỢT 2 NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số 546 /TB-UBND, ngày 03/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa)

Vị trí việc làm: Giáo viên mầm non.

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	162	258	Nguyễn Thị Thương	14/4/1986	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03	5,00	95,00	100,00	Một trăm	Con TB	Dự kiến trúng tuyển
2	44	167	Đinh Thị Nhàn	10/5/1988	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	A2	B		97,00	97,00	Chín mươi bảy		Dự kiến trúng tuyển
3	181	118	Nguyễn Thị Ngọc Lê	08/11/1996	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		95,00	95,00	Chín mươi lăm		Dự kiến trúng tuyển
4	37	15	Trịnh Thị Bình	13/02/1992	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		94,0	94,0	Chín mươi tư		Dự kiến trúng tuyển
5	253	42	Lê Thị Hà	20/8/1986	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03		94,0	94,0	Chín mươi tư		Dự kiến trúng tuyển
6	177	223	Bùi Thị Thảo	11/10/1990	GVMN	Cao đẳng sư phạm mầm non	A2	Chuẩn TT03		92,50	92,50	Chín mươi hai phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
7	102	117	Nguyên Thị Lâm	06/7/1989	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	Chuẩn TT03		90,00	90,00	Chín mươi		Dự kiến trúng tuyển
8	76	123	Nguyễn Thùy Liên	12/7/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		90,00	90,00	Chín mươi		Dự kiến trúng tuyển

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
9	169	39	Bùi Thị Hà	20/8/1986	GVMN	Trung cấp giáo dục Mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03	5,0	83,0	88,0	Tám mươi tám	Con BB	Dự kiến trúng tuyển
10	233	224	Khương Thị Thảo	27/02/1996	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		88,00	88,00	Tám mươi tám		Dự kiến trúng tuyển
11	18	97	Cao Thị Huyền	10/01/1989	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B, C	Chuẩn TT03	5,0	82,00	87,00	Tám mươi bảy	DT Mường	Dự kiến trúng tuyển
12	101	14	Lê Thị Bình	07/3/1989	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		86,5	86,5	Tám mươi sáu phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
13	206	41	Lê Thị Hà	13/02/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		86,5	86,5	Tám mươi sáu phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
14	79	36	Nguyễn Thị Giang	30/12/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Cao đẳng		86,0	86,0	Tám mươi sáu		Dự kiến trúng tuyển
15	205	154	Hoàng Thị Nga	15/4/1987	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		86,00	86,00	Tám mươi sáu		Dự kiến trúng tuyển
16	56	176	Lê Thị Oanh	10/12/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		86,00	86,00	Tám mươi sáu		Dự kiến trúng tuyển
17	175	232	Hà Thị Thêm	20/6/1986	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	Chuẩn TT03		86,00	86,00	Tám mươi sáu		Dự kiến trúng tuyển
18	266	254	Lê Thị Thúy	21/12/1990	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	Chuẩn TT03		86,00	86,00	Tám mươi sáu		Dự kiến trúng tuyển
19	152	03	Nguyễn Thị Ngọc Anh	23/11/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		85,5	85,5	Tám mươi lăm phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
20	92	56	Lê Thị Hạnh	06/10/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		85,50	85,50	Tám mươi lăm phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
21	1	01	Nguyễn Thị Châm Anh	15/4/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		85,0	85,0	Tám mươi lăm		Dự kiến trúng tuyển
22	282	149	Lê Thị Hằng Nga	28/10/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		85,00	85,00	Tám mươi lăm		Dự kiến trúng tuyển
23	8	220	Nguyễn Thị Thanh	29/8/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03	5,00	79,50	84,50	Tám mươi tư phẩy năm	Con TB	Dự kiến trúng tuyển
24	59	49	Trần Thị Thu Hà	12/10/1996	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	C	C		84,0	84,0	Tám mươi tư		Dự kiến trúng tuyển
25	45	51	Nguyễn Thị Hải	15/02/1989	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		84,0	84,0	Tám mươi tư		Dự kiến trúng tuyển
26	61	16	Trịnh Thị Bình	05/05/1982	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		83,0	83,0	Tám mươi ba		Dự kiến trúng tuyển
27	167	180	Trần Thị Oanh	18/6/1984	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		83,00	83,00	Tám mươi ba		Dự kiến trúng tuyển
28	96	204	Lê Thị Quỳnh	02/02/1989	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		83,00	83,00	Tám mươi ba		Dự kiến trúng tuyển
29	172	91	Nguyễn Thị Huệ	02/5/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		82,50	82,50	Tám mươi hai phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
30	10	53	Cao Thị Hạnh	31/8/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		82,0	82,0	Tám mươi hai		Dự kiến trúng tuyển
31	131	59	Mai Thị Hằng	07/01/1990	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		82,00	82,00	Tám mươi hai		Dự kiến trúng tuyển
32	58	63	Trịnh Thị Hằng	12/4/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03	5,0	77,00	82,00	Tám mươi hai	Con TB	Dự kiến trúng tuyển

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
33	176	285	Phùng Thị Vân	15/12/1985	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	B	5,00	76,50	81,50	Tám mươi mốt phẩy năm	Con TB	Dự kiến trúng tuyển
34	27	29	Nguyễn Thị Đệ	21/6/1985	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	ĐHSP Anh	Chuẩn TT03		81,0	81,0	Tám mươi mốt		Dự kiến trúng tuyển
35	104	50	Trịnh Thị Thu Hà	08/02/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B	5,0	76,0	81,0	Tám mươi mốt	DT Mường	Dự kiến trúng tuyển
36	165	90	Ngô Thị Huệ	23/12/1991	GVMN	Thạc sỹ Giáo dục Mầm non	Bậc 3	Chuẩn TT03		81,00	81,00	Tám mươi mốt		Dự kiến trúng tuyển
37	118	108	Nguyễn Thị Hương	10/02/1979	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	C		81,00	81,00	Tám mươi mốt		Dự kiến trúng tuyển
38	191	181	Lê Thị Bích Phương	24/5/1992	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		81,00	81,00	Tám mươi mốt		Dự kiến trúng tuyển
39	244	253	Lê Thị Thúy	29/3/1988	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03		81,00	81,00	Tám mươi mốt		Dự kiến trúng tuyển
40	256	146	Nguyễn Trà My	05/8/1999	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		80,50	80,50	Tám mươi phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
41	2	02	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/12/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		80,0	80,0	Tám mươi		Dự kiến trúng tuyển
42	122	111	Văn Thị Hương	17/9/1985	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03		80,00	80,00	Tám mươi		Dự kiến trúng tuyển
43	26	256	Đào Thị Nguyệt Thương	03/4/1984	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	CN SP Nga	Chuẩn TT03		80,00	80,00	Tám mươi		Dự kiến trúng tuyển
44	290	274	Nguyễn Thị Thu Trang	10/8/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		80,00	80,00	Tám mươi		Dự kiến trúng tuyển

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
45	83	100	Nguyễn Thị Huyền	25/8/1994	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		79,75	79,75	Bảy mươi chín phẩy bảy lăm		Dự kiến trúng tuyển
46	188	98	Đào Thị Huyền	28/02/1995	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		79,50	79,50	Bảy mươi chín phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
47	224	178	Lê Thị Oanh	01/3/1997	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		79,50	79,50	Bảy mươi chín phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
48	178	189	Nguyễn Thị Phương	17/4/1992	GVMN	Cao đẳng sư phạm mầm non	A2	Chuẩn TT03		79,50	79,50	Bảy mươi chín phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
49	106	17	Nguyễn Thị Bưởi	06/4/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	C		79,0	79,0	Bảy mươi chín		Dự kiến trúng tuyển
50	272	129	Đỗ Thị Linh	10/5/1991	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	Chuẩn TT03		79,00	79,00	Bảy mươi chín		Dự kiến trúng tuyển
51	198	221	Phạm Thị Thành	26/3/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		79,00	79,00	Bảy mươi chín		Dự kiến trúng tuyển
52	193	45	Phạm Thị Hà	17/02/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		78,5	78,5	Bảy mươi tám phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
53	170	184	Lê Thị Hồng Phương	10/01/1983	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		78,00	78,00	Bảy mươi tám		Dự kiến trúng tuyển
54	86	188	Nguyễn Thị Phương	29/5/1991	GVMN	Đại học giáo dục mầm non	B	B		78,00	78,00	Bảy mươi tám		Dự kiến trúng tuyển
55	12	240	Trương Thị Thu	30/9/1997	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		78,00	78,00	Bảy mươi tám		Dự kiến trúng tuyển
56	160	61	Mai Thị Hằng	06/4/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		77,75	77,75	Bảy mươi bảy phẩy bảy lăm		Dự kiến trúng tuyển

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
57	19	107	Nguyễn Thị Hương	24/4/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		77,50	77,50	Bảy mươi bảy phẩy năm		Dự kiến trúng tuyển
58	124	233	Nguyễn Thị Thiện	20/8/1988	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03	5,00	72,50	77,50	Bảy mươi bảy phẩy năm	Con BB	Dự kiến trúng tuyển
59	251	131	Phạm Thị Linh	21/8/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	B		77,00	77,00	Bảy mươi bảy		Dự kiến trúng tuyển
60	94	134	Đinh Thị Hồng Loan	12/7/1991	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	Chuẩn TT03	5,0	72,00	77,00	Bảy mươi bảy	DT Mường	Dự kiến trúng tuyển
61	75	267	Mai Thị Trang	10/11/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		77,00	77,00	Bảy mươi bảy		Dự kiến trúng tuyển
62	182	275	Lê Thị Út Trinh	19/4/1989	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03	5,00	72,00	77,00	Bảy mươi bảy	Con TB	Dự kiến trúng tuyển
63	130	07	Lê Thị Vân Anh	20/5/1989	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03	5	71,0	76,0	Bảy mươi sáu	Con TB	
64	48	13	Hồ Thị Thanh Bình	05/9/1989	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		76,0	76,0	Bảy mươi sáu		
65	117	78	Đỗ Thị Yến Hoa	02/11/1989	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	B		76,00	76,00	Bảy mươi sáu		
66	292	83	Trịnh Ngân Hồng	26/10/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		76,00	76,00	Bảy mươi sáu		
67	50	86	Lê Thị Hồng	11/6/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		76,00	76,00	Bảy mươi sáu		
68	2	137	Tô Thị Lương	13/10/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		76,00	76,00	Bảy mươi sáu		
69	143	156	Nguyễn Thị Nga	23/6/1992	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		76,00	76,00	Bảy mươi sáu		
70	33	214	Lê Thị Tâm	04/5/1991	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		76,00	76,00	Bảy mươi sáu		
71	21	35	Nguyễn Thị Hương Giang	15/12/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		75,5	75,5	Ba mươi lăm phẩy năm		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
72	271	79	Lê Thị Hoàn	17/9/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		75,50	75,50	Bảy mươi lăm phẩy năm		
73	144	37	Trịnh Thị Giang	22/02/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		75,0	75,0	Bảy mươi lăm		
74	173	44	Nguyễn Thị Hà	03/9/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		75,0	75,0	Bảy mươi lăm		
75	123	47	Trần Thị Hà	28/4/1996	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03		75,0	75,0	Bảy mươi lăm		
76	7	115	Lê Thị Khuyên	24/8/1991	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		75,00	75,00	Bảy mươi lăm		
77	23	147	Trần Thị Năm	21/3/1985	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03	5,0	70,00	75,00	Bảy mươi lăm	Con TB	
78	5	198	Trần Thị Quế	10/8/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C, B	Chuẩn TT03		75,00	75,00	Bảy mươi lăm		
79	200	225	Lê Thị Thảo	03/9/1997	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03		75,00	75,00	Bảy mươi lăm		
80	65	226	Nguyễn Thị Thảo	25/10/1987	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		75,00	75,00	Bảy mươi lăm		
81	245	228	Đỗ Thị Thắm	13/01/1990	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		75,00	75,00	Bảy mươi lăm		
82	68	28	Lê Thị Đạt	18/6/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		74,5	74,5	Bảy mươi tư phẩy năm		
83	260	46	Phạm Thị Hà	22/3/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		74,0	74,0	Bảy mươi tư		
84	72	84	Đinh Thị Hồng	26/7/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		74,00	74,00	Bảy mươi tư		
85	15	136	Lê Thị Luyến	20/4/1983	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		74,00	74,00	Bảy mươi tư		
86	189	182	Nguyễn Chúc Phương	15/01/1998	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		74,00	74,00	Bảy mươi tư		
87	126	195	Nguyễn Thị Phượng	15/4/1988	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03		74,00	74,00	Bảy mươi tư		
88	155	64	Nguyễn Thị Thu Hằng	28/6/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	B		73,50	73,50	Bảy mươi ba phẩy năm		
89	71	34	Lê Thị Hương Giang	31/3/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		72,5	72,5	Bảy mươi hai phẩy năm		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
90	273	227	Nguyễn Thị Thảo	20/5/1986	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03	5,00	67,50	72,50	Bảy mươi hai phẩy năm	Con BB	
91	66	38	Vũ Thị Thanh Hà	07/11/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		72,0	72,0	Bảy mươi hai		
92	247	80	Phạm Thị Hồi	06/4/1987	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03	5,0	67,00	72,00	Bảy mươi hai	Bố bị nhiễm CĐHH	
93	239	120	Lê Thị Liên	14/02/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	A	A		72,00	72,00	Bảy mươi hai		
94	69	255	Phạm Thị Thúy	16/3/1987	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		72,00	72,00	Bảy mươi hai		
95	125	67	Phạm Thị Hậu	16/02/1989	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03	5,0	66,50	71,50	Bảy mươi mốt phẩy năm	Con BB	
96	77	148	Lê Thị Hằng Nga	19/11/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		71,50	71,50	Bảy mươi mốt phẩy năm		
97	241	273	Nguyễn Thị Thu Trang	09/6/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		71,50	71,50	Bảy mươi mốt phẩy năm		
98	156	52	Bùi Thị Hạnh	06/8/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		71,0	71,0	Bảy mươi mốt		
99	248	73	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/11/1988	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		71,00	71,00	Bảy mươi mốt		
100	32	82	Lê Thị Hoa Hồng	12/11/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		71,00	71,00	Bảy mươi mốt		
101	159	119	Phạm Quỳnh Lê	04/04/1983	GVMN	Cao đẳng sư phạm mầm non	B	Chuẩn TT03		71,00	71,00	Bảy mươi mốt		
102	197	177	Lê Thị Oanh	19/01/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		71,00	71,00	Bảy mươi mốt		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
103	267	197	Lê Thị Quế	15/11/1987	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	A2	Chuẩn TT03		71,00	71,00	Bảy mươi mốt		
104	158	209	Bùi Thị Sáu	03/01/1986	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B	5,00	66,00	71,00	Bảy mươi mốt	DT Mường	
105	146	241	Đặng Thị Thùy	20/6/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		71,00	71,00	Bảy mươi mốt		
106	82	48	Lê Thu Hà	09/5/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		70,5	70,5	Bảy mươi phẩy năm		
107	289	74	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/11/1988	GVMN	Cao đẳng giáo dục Mầm non	B	B		70,50	70,50	Bảy mươi phẩy năm		
108	40	76	Ngô Thị Hoa	16/01/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		70,50	70,50	Bảy mươi phẩy năm		
109	221	142	Đặng Thị Mai	21/6/1997	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		70,50	70,50	Bảy mươi phẩy năm		
110	213	155	Hoàng Thị Nga	02/3/1994	GVMN	Cao đẳng sư phạm mầm non	A2	Chuẩn TT03		70,50	70,50	Bảy mươi phẩy năm		
111	38	33	Tống Thị Gái	27/02/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		70,0	70,0	Bảy mươi		
112	99	88	Nguyễn Thị Hồng	25/4/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		70,00	70,00	Bảy mươi		
113	184	202	Lê Như Quỳnh	01/11/1982	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	Trung cấp	5,00	65,00	70,00	Bảy mươi	Con BB	
114	53	207	Văn Thị Quỳnh	24/4/1994	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		70,00	70,00	Bảy mươi		
115	36	217	Phạm Phương Thanh	27/7/1985	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	ĐH		70,00	70,00	Bảy mươi		
116	93	40	Lê Thị Hà	20/02/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		69,5	69,5	Sáu mươi chín phẩy năm		
117	147	21	Đỗ Thị Diễm	20/10/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03	5,0	64,0	69,0	Sáu mươi chín	DT Mường	
118	262	93	Vũ Thị Huệ	08/9/1991	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		69,00	69,00	Sáu mươi chín		
119	192	281	Trịnh Thị Tuyết	05/01/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		69,00	69,00	Sáu mươi chín		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
120	164	70	Lê Thị Hiền	19/02/1991	GVMN	Cao đẳng giáo dục Mầm non	A2	B		68,50	68,50	Sáu mươi tám phẩy năm mươi		
121	39	264	Nguyễn Quỳnh Trang	06/12/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		68,50	68,50	Sáu mươi tám phẩy năm		
122	84	57	Lê Thị Hằng	19/4/1985	GVMN	Đại học giáo dục mầm non	B	B		68,00	68,00	Sáu mươi tám		
123	204	190	Nguyễn Thị Phượng	25/9/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		68,00	68,00	Sáu mươi tám		
124	185	99	Đỗ Thị Huyền	20/5/1982	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		67,00	67,00	Sáu mươi bảy		
125	149	124	Hoàng Thị Thùy Liên	16/8/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		67,00	67,00	Sáu mươi bảy		
126	194	135	Hoàng Thị Luận	21/5/1986	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03	5,0	62,00	67,00	Sáu mươi bảy	Con TB	
127	216	144	Nguyễn Thị Mai	12/9/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	A2	Chuẩn TT03		67,00	67,00	Sáu mươi bảy		
128	113	172	Mai Thị Nhung	24/11/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	C		67,00	67,00	Sáu mươi bảy		
129	249	175	Lê Thị Nụ	02/02/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		67,00	67,00	Sáu mươi bảy		
130	217	77	Nguyễn Thị Hoa	21/11/1988	GVMN	Cao đẳng giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		66,00	66,00	Sáu mươi sáu		
131	9	168	Đỗ Thị Nhàn	10/8/1986	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03	5,00	61,00	66,00	Sáu mươi sáu	Con BB	
132	257	183	Nguyễn Thị Hà Phương	28/10/1996	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		66,00	66,00	Sáu mươi sáu		
133	22	237	Nguyễn Thị Thu	05/12/1991	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		65,50	65,50	Sáu mươi lăm phẩy năm		
134	250	32	Lê Thị Gái	24/9/1994	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		65,0	65,0	Sáu mươi lăm		
135	97	54	Hoàng Thị Hạnh	03/4/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	C		65,0	65,0	Sáu mươi lăm		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
136	228	92	Nguyễn Thị Huệ	04/5/1991	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		65,00	65,00	Sáu mươi lăm		
137	187	145	Lê Thị Màu	12/02/1984	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		65,00	65,00	Sáu mươi lăm		
138	81	161	Nguyễn Thị Nghĩa	20/10/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		65,00	65,00	Sáu mươi lăm		
139	148	194	Lê Thị Phượng	16/6/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		65,00	65,00	Sáu mươi lăm		
140	237	68	Dương Thị Hiền	06/9/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03		64,50	64,50	Sáu mươi tư phẩy năm		
141	80	292	Lê Thị Yến	23/11/1994	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		64,50	64,50	Sáu mươi tư phẩy năm		
142	28	05	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	23/8/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		64,0	64,0	Sáu mươi tư		
143	108	125	Hà Thị Liễu	11/02/1999	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	C		64,00	64,00	Sáu mươi tư		
144	153	159	Nguyễn Thị Ngân	20/4/1984	GVMN	Đại học giáo dục mầm non	B	ĐH	0,00	64,00	64,00	Sáu mươi tư		
145	46	164	Nguyễn Thị Ngọc	17/5/1996	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		64,00	64,00	Sáu mươi tư		
146	161	203	Nguyễn Thanh Quỳnh	03/12/1995	GVMN	Trung cấp Sư phạm mầm non	C	C		64,00	64,00	Sáu mươi tư		
147	133	276	Phùng Thị Minh Tuyền	02/02/1987	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		64,00	64,00	Sáu mươi tư		
148	151	27	Lưu Thị Đào	15/6/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		63,5	63,5	Sáu mươi ba phẩy năm		
149	110	116	Hoàng Thị Lâm	10/5/1983	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	Chuẩn TT03		63,00	63,00	Sáu mươi ba		
150	210	153	Lại Thị Thanh Nga	08/10/1991	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		63,00	63,00	Sáu mươi ba		
151	269	65	Nguyễn Thị Thu Hằng	31/8/1994	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	Chuẩn TT03		62,00	62,00	Sáu mươi hai		
152	283	81	Đặng Thị Bích Hồng	13/11/1986	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		62,00	62,00	Sáu mươi hai		
153	207	106	Lại Thị Hương	08/01/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		62,00	62,00	Sáu mươi hai		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
154	20	151	Hoàng Thị Quỳnh Nga	25/4/1986	GVMN	Đại học giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03	5,0	57,00	62,00	Sáu mươi hai	Con BB	
155	47	284	Nguyễn Thị Vân	05/11/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		62,00	62,00	Sáu mươi hai		
156	17	31	Lê Thị Đức	20/12/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		61,5	61,5	Sáu mươi mốt phẩy năm		
157	55	262	Nguyễn Thị Hà Trang	10/8/1994	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		61,50	61,50	Sáu mươi mốt phẩy năm		
158	142	75	Vũ Thu Hiền	16/4/1984	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		61,00	61,00	Sáu mươi mốt		
159	54	87	Lê Thị Hồng	15/6/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03	5,0	56,00	61,00	Sáu mươi mốt	Con BB	
160	166	89	Nguyễn Thị Hồng	14/3/1992	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		61,00	61,00	Sáu mươi mốt		
161	259	126	Hoàng Thị Liễu	15/6/1995	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		61,00	61,00	Sáu mươi mốt		
162	246	208	Đỗ Thị Thu Quỳnh	07/8/1998	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		61,00	61,00	Sáu mươi mốt		
163	43	277	Đinh Thị Hồng Tuyến	18/5/1996	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		61,00	61,00	Sáu mươi mốt		
164	174	23	Phạm Thị Dung	27/8/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		60,5	60,5	Sáu mươi phẩy năm		
165	63	234	Hoàng Thị Thọ	26/3/1982	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	A2	B		60,00	60,00	Sáu mươi		
166	215	58	Lê Thị Hằng	21/10/1996	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	A2	Chuẩn TT03		59,00	59,00	Năm mươi chín		
167	201	26	Nguyễn Thị Dự	22/12/1989	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03		58,5	58,5	Năm mươi tám phẩy năm		
168	30	96	Vũ Thanh Huyền	01/10/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		58,50	58,50	Năm mươi tám phẩy năm		
169	157	66	Mai Thị Hậu	25/10/1996	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		58,00	58,00	Năm mươi tám		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
170	6	229	Lê Thị Thắm	24/01/1994	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	CĐ T. Anh	Chuẩn TT03		58,00	58,00	Năm mươi tám		
171	258	219	Lưu Thị Thanh	08/02/1986	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		57,50	57,50	Năm mươi bảy phẩy năm		
172	89	85	Hoàng Thị Hồng	20/10/1989	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A	B		56,50	56,50	Năm mươi sáu phẩy năm		
173	223	128	Nguyễn Thị Nhật Linh	01/10/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		56,00	56,00	Năm mươi sáu		
174	74	152	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	27/02/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		55,00	55,00	Năm mươi lăm		
175	87	193	Lê Thị Phượng	05/4/1985	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		55,00	55,00	Năm mươi năm		
176	229	215	Nguyễn Thị Tâm	28/02/1985	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	A2	Chuẩn TT03		55,00	55,00	Năm mươi lăm		
177	171	287	Đào Thị Việt	13/10/1990	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	A		55,00	55,00	Năm mươi lăm		
178	179	25	Lê Thị Duyên	06/12/1993	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	C		54,5	54,5	Năm mươi tư phẩy năm		
179	281	138	Lê Thị Lưu	12/12/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03	5,0	49,00	54,00	Năm mươi tư	Con BB	
180	209	196	Lê Thị Quế	20/11/1986	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		54,00	54,00	Năm mươi tư		
181	78	266	Hoàng Thị Trang	05/01/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		54,00	54,00	Năm mươi tư		
182	235	133	Dương Thị Thùy Linh	28/10/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03		53,50	53,50	Năm mươi ba phẩy năm		
183	279	186	Lê Thị Phương	03/6/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		53,50	53,50	Năm mươi ba phẩy năm		
184	168	235	Hoàng Thị Anh Thơ	26/6/1997	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	B		53,50	53,50	Năm mươi ba phẩy năm		
185	183	163	Đỗ Thị Ngọc	02/7/1987	GVMN	Cao đẳng sư phạm mầm non	B1	Kỹ thuật viên		53,00	53,00	Năm mươi ba		
186	35	62	Nguyễn Thị Hằng	27/02/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		52,00	52,00	Năm mươi hai		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
187	211	139	Nguyễn Thị Lưu	04/5/1986	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		52,00	52,00	Năm mươi hai		
188	240	243	Trịnh Thị Thùy	05/6/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	B		52,00	52,00	Năm mươi hai		
189	236	252	Lê Thị Thúy	27/10/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03		52,00	52,00	Năm mươi hai		
190	52	265	Hoàng Thị Trang	02/10/1996	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		52,00	52,00	Năm mươi hai		
191	105	286	Nguyễn Tường Vân	27/3/1997	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	C		52,00	52,00	Năm mươi hai		
192	254	20	Lê Thị Cử	02/8/1987	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03		51,5	51,5	Năm mươi mốt phẩy năm		
193	255	22	Cao Thị Diệp	11/3/1990	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		51,5	51,5	Năm mươi mốt phẩy năm		
194	120	218	Phạm Phương Thanh	13/02/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		51,50	51,50	Năm mươi mốt phẩy năm		
195	62	166	Hà Thị Nguyệt	20/11/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A	A		51,00	51,00	Năm mươi mốt		
196	73	289	Lê Thị Xuân	20/8/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		50,50	50,50	Năm mươi phẩy năm		
197	132	04	Hoàng Quỳnh Anh	28/6/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		50,0	50,0	Năm mươi		
198	51	95	Mai Thị Khánh Huyền	09/7/1996	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non		Chuẩn TT03		50,00	50,00	Năm mươi		
199	284	127	Đỗ Thị Mỹ Linh	19/01/1996	GVMN	Đại học giáo dục mầm non	B	B		50,00	50,00	Năm mươi		
200	14	187	Nguyễn Thị Phương	22/4/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A	Chuẩn TT03		50,00	50,00	Năm mươi		
201	127	270	Phan Thị Trang	09/9/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03		50,00	50,00	Năm mươi		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
202	141	60	Mai Thị Hằng	03/02/1984	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		49,50	49,50	Bốn mươi chín phẩy năm		
203	202	114	Nguyễn Thị Khánh	15/6/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		49,00	49,00	Bốn mươi chín		
204	85	130	Lê Thị Linh	04/5/1996	GVMN	Cao đẳng sư phạm mầm non	A2	Chuẩn TT03		49,00	49,00	Bốn mươi chín		
205	230	165	Chu Thị Nguyệt	07/01/1992	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	C		49,00	49,00	Bốn mươi chín		
206	115	185	Nguyễn Thị Thanh Phương	01/10/1984	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		49,00	49,00	Bốn mươi chín		
207	88	290	Lê Thị Xuân	10/02/1986	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		49,00	49,00	Bốn mươi chín		
208	138	191	Phan Thị Phương	16/4/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	C		48,00	48,00	Bốn mươi tám		
209	227	160	Hoàng Thị Thủy Ngân	08/9/1987	GVMN	Đại học giáo dục mầm non	ĐH Nga, Anh B	B	5,00	42,00	47,00	Bốn mươi bảy	Con BB	
210	109	121	Phạm Thị Liên	23/11/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		46,00	46,00	Bốn mươi sáu		
211	60	150	Trần Thị Hằng Nga	31/01/1996	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		46,00	46,00	Bốn mươi sáu		
212	268	143	Lê Thị Mai	03/6/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	A2	Chuẩn TT03		45,50	45,50	Bốn mươi lăm phẩy năm		
213	208	212	Đàm Thị Tâm	05/5/1987	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03	5,00	40,50	45,50	Bốn mươi lăm phẩy năm	Con BB	
214	111	06	Bùi Thị Vân Anh	12/12/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	B		45,0	45,0	Bốn mươi lăm		
215	42	11	Chu Thị Ánh	17/4/1996	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		45,0	45,0	Bốn mươi lăm		
216	190	104	Nguyễn Thị Thanh Hương	22/12/1984	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		45,00	45,00	Bốn mươi lăm		
217	13	109	Trịnh Thị Hương	12/9/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		45,00	45,00	Bốn mươi lăm		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
218	234	199	Dương Thị Quý	02/01/1984	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03	5,00	40,00	45,00	Bốn mươi lăm	Con TB	
219	129	249	Phan Thị Thủy	25/5/1987	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		45,00	45,00	Bốn mươi lăm		
220	150	102	Hoàng Lan Hương	19/7/1989	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03	5,0	39,00	44,00	Bốn mươi tư	Bố bị nhiễm CĐHH	
221	112	132	Cao Thùy Linh	13/5/1993	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	C		44,00	44,00	Bốn mươi bốn		
222	222	174	Phạm Thị Nhung	07/5/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	A2	Chuẩn TT03		44,00	44,00	Bốn mươi bốn		
223	261	55	Hoàng Thị Hạnh	15/10/1986	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		43,50	43,50	Bốn mươi ba phẩy năm		
224	264	239	Trần Thị Thu	16/10/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		43,50	43,50	Bốn mươi ba phẩy năm		
225	116	257	Ngô Thị Thương	14/9/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		43,50	43,50	Bốn mươi ba phẩy năm		
226	4	280	Nguyễn Thị Tuyết	12/11/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		43,50	43,50	Bốn ba phẩy năm		
227	195	19	Nguyễn Thị Cúc	27/02/1989	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03		43,0	43,0	Bốn mươi ba		
228	100	230	Lê Thị Thắm	20/5/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		43,00	43,00	Bốn mươi ba		
229	119	246	Lê Thị Thủy	20/10/1990	GVMN	Cao đẳng giáo dục Mầm non	A2	Chuẩn TT03		42,00	42,00	Bốn mươi hai		
230	226	231	Nguyễn Thị Thắm	20/9/1990	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	B		41,50	41,50	Bốn mươi mốt phẩy năm		
231	137	210	Lê Thị Sâm	30/10/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	C		41,00	41,00	Bốn mươi mốt		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
232	252	222	Phạm Phương Thảo	01/5/1996	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03		41,00	41,00	Bốn mươi mốt		
233	287	10	Trịnh Thị Ngọc Ánh	07/02/1988	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	A		40,0	40,0	Bốn mươi		
234	278	157	Nguyễn Thị Nga	03/5/1997	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	C		40,00	40,00	Bốn mươi		
235	136	179	Nguyễn Thị Oanh	25/5/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	C		40,00	40,00	Bốn mươi		
236	95	200	Lê Thị Quý	14/10/1996	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		40,00	40,00	Bốn mươi		
237	291	205	Lê Thị Quỳnh	04/12/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		40,00	40,00	Bốn mươi		
238	275	216	Nguyễn Thị Tâm	10/6/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		40,00	40,00	Bốn mươi		
239	199	251	Lê Thị Thúy	10/10/1988	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03		40,00	40,00	Bốn mươi		
240	196	278	Lê Thị Tuyết	30/4/1990	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03	5,00	35,00	40,00	Bốn mươi	Con TB	
241	103	245	Lê Thị Thủy	06/01/1986	GVMN	Đại học giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03	5,00	34,50	39,50	Ba mươi chín phẩy năm	Con BB	
242	270	171	Lê Thị Nhung	12/3/1985	GVMN	Đại học giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		39,00	39,00	Ba mươi chín		
243	280	263	Nguyễn Thị Huyền Trang	22/12/1985	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		39,00	39,00	Ba mươi chín		
244	212	30	Nguyễn Thị Hồng Định	08/4/1985	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	ĐH	B		38,5	38,5	Ba mươi tám phẩy năm		
245	180	113	Trương Thị Hường	23/3/1993	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		38,00	38,00	Ba mươi tám		
246	98	94	Lê Thị Huyên	12/12/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		37,50	37,50	Ba mươi bảy phẩy năm		
247	154	268	Nguyễn Thị Trang	23/7/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		35,50	35,5	Ba mươi lăm phẩy năm		
248	49	08	Lê Ngọc Ánh	25/5/1990	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		35,0	35,0	Ba mươi lăm		
249	25	69	Hoàng Thị Hiền	06/3/1989	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		35,00	35,00	Ba mươi lăm		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
250	34	213	Đào Thị Tâm	02/9/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		35,00	35,00	Ba mươi lăm		
251	276	247	Lương Thị Thủy	03/6/1987	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		35,00	35,00	Ba mươi lăm		
252	24	283	Nguyễn Thị Cẩm Vân	20/6/1996	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03		35,00	35,00	Ba mươi lăm		
253	263	170	Trần Thị Hồng Nhung	15/8/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	B	Chuẩn TT03		34,00	34,00	Ba mươi tư		
254	67	248	Nguyễn Thị Thủy	05/10/1983	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03	5,00	28,50	33,50	Ba mươi ba phẩy năm	Con TB	
255	140	18	Nguyễn Thị Quế Chi	21/8/1991	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		33,0	33,0	Ba mươi ba		
256	1	236	Nguyễn Thị Thơm	24/9/1982	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03	5,00	27,50	32,50	Ba mươi hai phẩy năm	Con Liệt sỹ	
257	294	162	Nguyễn Như Ngọc	26/03/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		32,00	32,00	Ba mươi hai		
258	225	09	Bùi Thị Ngọc Ánh	09/10/1995	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		31,0	31,0	Ba mươi mốt		
259	31	12	Lê Thị Ban	20/3/1995	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		30,0	30,0	Ba mươi		
260	114	110	Trịnh Thị Hương	01/01/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	C		30,00	30,00	Ba mươi		
261	218	122	Phạm Thị Liên	06/6/1986	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	A2	Chuẩn TT03		30,00	30,00	Ba mươi		
262	16	141	Nguyễn Thị Lý	03/7/1984	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		30,00	30,00	Ba mươi		
263	274	192	Đàm Thị Phượng	09/7/1987	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03	5,00	25,00	30,00	Ba mươi	Con BB	
264	90	206	Tô Thị Quỳnh	20/12/1985	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		30,00	30,00	Ba mươi		
265	238	250	Lê Phương Thúy	25/4/1995	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03		30,00	30,00	Ba mươi		
266	145	288	Trịnh Thị Vinh	10/8/1986	GVMN	Đại học giáo dục mầm non	B	B		30,00	30,00	Ba mươi		
267	128	71	Nguyễn Thị Hiền	07/02/1996	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	Bậc 2	Chuẩn TT03	5,0	24,00	29,00	Hai mươi chín	Con BB	

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
268	293	293	Phạm Thị Yến	03/11/1994	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		28,50	28,50	Hai mươi tám phẩy năm		
269	243	103	Trần Thị Lan Hương	28/4/1990	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	B		27,00	27,00	Hai mươi bảy		
270	288	269	Nguyễn Thị Trang	08/4/1989	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	C	Chuẩn TT03		27,00	27,00	Hai mươi bảy		
271	134	259	Đỗ Thị Thương Thương	29/7/1993	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	Chuẩn TT03		26,00	26,00	Hai mươi sáu		
272	91	43	Lương Thị Hà	05/9/1976	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B	5,0	20,0	25,0	Hai mươi lăm	Con TB	
273	285	238	Nguyễn Thị Thu	15/10/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B2	Chuẩn TT03		25,00	25,00	Hai mươi lăm		
274	135	169	Lê Thị Hồng Nhung	27/5/1989	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	B		24,00	24,00	Hai mươi tư		
275	11	271	Nguyễn Thu Trang	30/12/1996	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		24,00	24,00	Hai mươi tư		
276	186	201	Lê Thị Quý	02/5/1983	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	Chuẩn TT03	5,00	18,80	23,80	Hai mươi ba phẩy tám	Con TB	
277	57	173	Nguyễn Thị Nhung	21/12/1996	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		23,50	23,50	Hai ba phẩy năm		
278	232	261	Nguyễn Thị Đài Trang	21/5/1992	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		23,00	23,00	Hai mươi ba		
279	139	158	Nguyễn Thị Thiên Nga	16/12/1997	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	Chuẩn TT03		22,00	22,00	Hai mươi hai		
280	265	260	Phạm Thanh Tình	27/12/1988	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	A2	Chuẩn TT03		22,00	22,00	Hai mươi hai		
281	107	101	Lưu Thị Thu Huyền	03/7/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A	A		20,50	20,50	Hai mươi phẩy năm		
282	242	211	Trần Thị Sen	11/4/1988	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	C		20,00	20,00	Hai mươi		
283	163	242	Nguyễn Thị Thùy	25/10/1994	GVMN	Cao đẳng giáo dục Mầm non	B	B		20,00	20,00	Hai mươi		
284	3	279	Nguyễn Thị Tuyết	29/4/1993	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		20,00	20,00	Hai mươi		
285	70	272	Nguyễn Thị Thu Trang	26/5/1997	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		19,00	19,00	Mười chín		

TT	Mã hồ sơ	SDB	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Đối tượng Ưu tiên	Ghi chú
						Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
286	220	291	Đỗ Thị Yến	14/01/1992	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		16,50	16,50	Mười sáu phẩy năm		
287	41	112	Nguyễn Thu Hương	20/3/1984	GVMN	Cử nhân giáo dục mầm non	B	Chuẩn TT03		11,00	11,00	Mười một		
288	231	72	Trịnh Thị Hiền	22/10/1985	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	C	B		6,00	6,00	Sáu phẩy không		
289	286	105	Chu Thị Hương	21/01/1997	GVMN	Đại học giáo dục mầm non	A2	Chuẩn TT03		0,00	0,00		Không dự thi	
290	219	140	Hoàng Thị Lý	05/4/1991	GVMN	Cao đẳng sư phạm mầm non	C	Chuẩn TT03		0,00	0,00		Không dự thi	
291	214	244	Đồng Thị Thủy	02/8/1994	GVMN	Cao đẳng giáo dục mầm non	B	B		0,00	0,00		Không dự thi	
292	277	282	Lê Thị Út	04/8/1995	GVMN	Trung cấp SP Mầm non	B	B		0,00	0,00		Không dự thi	
293	203	24	Nguyễn Thùy Dung	08/11/1986	GVMN	Cử nhân giáo dục Mầm non	C	Chuẩn TT03		0,00	0,00		Không dự thi	

(Tổng số 293 người)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ KIẾN KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THANH HÓA, ĐỢT 2 NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số 546/TB-UBND, ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa)

Vị trí việc làm: Giáo viên Văn hóa Tiểu học

TT	Mã hồ sơ	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Ghi chú
						Bản sao văn bằng	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
7	12	07	Lê Thị Ngọc Huyền	11/07/1991	GV VH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	A2	CTT03	0	86,0	86,0	Tám mươi sáu	Dự kiến trúng tuyển
13	4	13	Lê Thị Thư	05/11/1992	GVTH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	A2	CTT03	0	82,25	82,25	Tám mươi hai phẩy hai lăm	Dự kiến trúng tuyển
1	3	01	Trần Thị Vân Anh	22/12/1987	GVTH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	A2	CTT03	0	82,0	82,0	Tám mươi hai	Dự kiến trúng tuyển
8	6	08	Nguyễn Lan Hương	19/10/1997	GVTH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Bậc 3	CTT03	0	79,75	79,75	Bảy chín phẩy bảy lăm	Dự kiến trúng tuyển
10	11	10	Dương Thị Minh	14/5/1983	GVTH	Đại học Sư phạm Tiểu học	A2	CTT03	0	70,0	70,0	Bảy mươi	
6	1	06	Nguyễn Thị Hồng	04/02/1995	GVTH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	A2	CTT03	0	68,25	68,25	Sáu tám phẩy hai lăm	
2	7	02	Nguyễn Thị Thùy Dương	12/8/1994	GVTH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	A2	CTT03	0	68,0	68,0	Sáu mươi tám	
12	10	12	Hồ Thị Hồng Nhung	06/9/1995	GVTH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	A2	CTT03	0	68,0	68,0	Sáu mươi tám	
14	14	14	Hoàng Thị Anh Vân		GVVH	CĐ SP Giáo dục Tiểu học	C	B	0	65,25	65,25	Sáu lăm phẩy hai lăm	

TT	Mã hồ sơ	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí dự tuyển	Văn bằng, chứng chỉ			Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm		Ghi chú
						Bản sao văn bằng	Ngoại ngữ	Tin học			Bằng số	Bằng chữ	
4	5	04	Ngô Thị Hằng	30/4/1980	GVTH	Cao đẳng Sư phạm Tiểu học	Bậc 3	CTT03	0	65,0	65,0	Sáu mươi lăm	
11	13	11	Hoàng Thị Nguyệt	20/6/1987	GVVH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	C	CTT03	0	61,5	61,5	Sáu mốt phẩy năm	
9	8	09	Vi Thị Mai	10/10/1993	GVTH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B	0	58,5	58,5	Năm mươi tám phẩy năm	
5	9	05	Lê Thị Hòa	24/4/1989	GVTH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Bậc 2	CTT03	0	58,0	58,0	Năm mươi tám	
3	2	03	Lê Thị Hà	22/3/1996	GVTH	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Bậc 2	CTT03	0	56,5	56,5	Năm sáu phẩy năm	

(Tổng số 14 người)